

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 228/TTr-SNN ngày 11 tháng 11 năm 2024 (kèm theo Báo cáo số 522/BC-STP ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh).

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Quyết định này quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum (trừ trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, đất lâm nghiệp và diện tích khu đất có đất nông nghiệp sử dụng kết hợp trong thửa đất có đất ở).

### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan, người tham mưu quản lý nhà nước về đất đai.

b) Người sử dụng đất nông nghiệp có nhu cầu được sử dụng đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

c) Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp là công trình xây dựng tạm, dễ dàng tháo dỡ gồm nhà nghỉ, lán, trại để phục vụ cho người lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp; bảo quản nông sản, chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ lao động.

## **Điều 3. Quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp**

1. Diện tích khu đất (tổng diện tích của một hoặc nhiều thửa đất liền kề) từ 2.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 5.000 mét vuông ( $m^2$ ) được sử dụng tổng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 25 mét vuông ( $m^2$ ).

2. Diện tích khu đất từ 5.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 10.000 mét vuông ( $m^2$ ) được sử dụng tổng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50 mét vuông ( $m^2$ ).

3. Diện tích khu đất từ 10.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 50.000 mét vuông ( $m^2$ ) được sử dụng tổng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 100 mét vuông ( $m^2$ ).

4. Diện tích khu đất từ 50.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến 300.000 mét vuông ( $m^2$ ) được sử dụng tổng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 200 mét vuông ( $m^2$ ).

5. Diện tích khu đất trên 300.000 mét vuông ( $m^2$ ) được sử dụng tổng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 300 mét vuông ( $m^2$ ).

## **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện quyết định này, tổng hợp các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp vi phạm pháp luật trên đất thuộc địa bàn quản lý.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.NLTA.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Tuấn**